

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc quy định một số nội dung chi, định mức chi đảm bảo hoạt động của HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh Hà Giang (nhiệm kỳ 2011-2016)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG  
KHOÁ XVI - KỲ HỌP THỨ NĂM**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị quyết số: 773/NQ-UBTVQH<sub>12</sub> ngày 31 tháng 3 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá XII về quy định một số chế độ chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của Quốc hội, các cơ quan trực thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội và Đại biểu Quốc hội ;

Căn cứ Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Bộ Tài chính, quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước;

Căn cứ Thông tư số: 97/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 46/2012/TTLT-BTC-TTCT ngày 16 tháng 3 năm 2012 của Bộ Tài chính và Thanh tra Chính phủ quy định chế độ bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 47/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 16 tháng 3 năm 2012 của Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp về quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đảm bảo cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Nghị quyết số: 40/2011/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang khóa XVI, nhiệm kỳ 2011 – 2016;

Sau khi xem xét Tờ trình số: 21/TTr-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2012 của Thường trực HĐND tỉnh Hà Giang về việc ban hành qui định một số nội dung chi, định mức chi đảm bảo hoạt động của HĐND các cấp tỉnh Hà Giang (nhiệm kỳ 2011 - 2016);

Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang đã thảo luận và nhất trí,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Quy định một số nội dung chi, định mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Hà Giang nhiệm kỳ 2011 - 2016 như sau:

1. Nội dung chi bao gồm: Các hoạt động phục vụ tổ chức kỳ họp HĐND, hoạt động tiếp xúc cử tri, hoạt động giám sát, hoạt động tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân; chi xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm

*Đạt*



pháp luật, chi xây dựng đề án, chi hoạt động tham vấn nhân dân, chi hỗ trợ cho đại biểu, chi cho công tác xã hội và một số khoản chi khác.

2. Đối tượng áp dụng: Hội đồng nhân dân các cấp của tỉnh Hà Giang, Văn phòng Đoàn ĐBQH - HĐND tỉnh, Văn phòng HĐND - UBND các huyện, thành phố.

3. Nguyên tắc chung:

a) Các nội dung chi đảm bảo cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Hà Giang tại Nghị quyết này được xác định trong dự toán kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp hàng năm và thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý ngân sách. Các chế độ chi khác đảm bảo cho hoạt động của HĐND các cấp không quy định trong Nghị quyết này thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Đối với đại biểu HĐND các cấp khi đi công tác thực hiện nhiệm vụ của Đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu mời tham dự kỳ họp Hội đồng nhân dân, họp Ban của HĐND, họp tổ đại biểu HĐND, giám sát, tiếp xúc cử tri, tiếp công dân theo tổ đại biểu thì được thanh toán tiền công tác phí từ nguồn kinh phí hoạt động của HĐND (*Hội đồng nhân dân cấp nào triệu tập thì do kinh phí hoạt động của HĐND cấp đó đảm bảo*).

4. Định mức chi cho hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, huyện, xã: Chi tiết tại phụ biểu kèm theo.

**Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2012, thay thế Nghị quyết số 45/2010/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2010 của HĐND tỉnh về việc ban hành quy định một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của HĐND các cấp tỉnh Hà Giang.

**Điều 3.** Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang giao cho Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp của tỉnh Hà Giang tổ chức thực hiện.

Căn cứ vào các chế độ, định mức chi tiêu hiện hành của Nhà nước và các quy định về nội dung chi, định mức chi nêu trên, hàng năm Thường trực HĐND các cấp xây dựng và trình Hội đồng nhân dân quyết định dự toán kinh phí theo các quy định tại Nghị quyết này và tổ chức thực hiện đúng quy định hiện hành.

Định kỳ tối thiểu 02 năm một lần hoặc khi có quy định mới của Trung ương, Thường trực HĐND tỉnh có trách nhiệm rà soát các nội dung chi, định mức chi này để xem xét trình Hội đồng nhân dân quyết định điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Khoá XVI - Kỳ họp thứ năm thông qua./. *Đạt*

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá XIII;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Đoàn ĐBQH khoá XIII tỉnh;
- Thường trực Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh Hà Giang
- Các Ban và Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở: Tài chính, Kế hoạch – Đầu tư;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Trung tâm T.Tin – VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu VT.

**CHỦ TỊCH**



*Vương Mí Vàng*

**NỘI DUNG CHI, ĐỊNH MỨC CHI PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG HĐND CÁC CẤP TỈNH HÀ GIANG  
NHIỆM KỲ 2011 - 2016**

*(Kèm theo Nghị quyết số: **49** /2012/NQ-HĐND, ngày 14 tháng 7 năm 2012 của HĐND tỉnh Hà Giang)*

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		
			HĐND cấp tỉnh	HĐND cấp huyện	HĐND cấp xã
<b>I</b>	<b>Chi cho các kỳ họp:</b>				
1	Chủ tọa kỳ họp	đồng/người/ngày	200.000	150.000	100.000
2	Thư ký kỳ họp	đồng/người/ngày	150.000	100.000	80.000
3	Chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu dự kỳ họp	đồng/người/ngày	200.000	180.000	150.000
4	Đại biểu HĐND, đại biểu mời dự kỳ họp không ăn cơm	đồng/người/ngày	120.000	100.000	50.000
5	Chi bồi dưỡng cho cán bộ công chức, nhân viên phục vụ kỳ họp:				
a	Phục vụ trực tiếp: Cán bộ công chức, nhân viên Văn phòng và phóng viên Báo, Đài.	đồng/người/ngày	100.000	80.000	50.000
b	Phục vụ gián tiếp: Điện, nước, y tế, công an, lái xe cho đại biểu, cho lãnh đạo.	đồng/người/ngày	70.000	50.000	30.000
6	Nước uống	đồng/người/ngày	30.000	25.000	20.000
7	Tiền xăng xe, in tài liệu, thuốc chữa bệnh thông thường cho đại biểu, trang trí khánh tiết,... Theo thực tế phát sinh.				
8	Các nội dung chi tổng kết năm, sơ tổng kết nhiệm kỳ do Thường trực HĐND các cấp quyết định.				
<b>II</b>	<b>Chi cho các Hội nghị của HĐND, họp Đảng đoàn, họp Thường trực với các Ban HĐND mở rộng đến các ngành liên quan:</b>				
1	<i>Hội nghị giao ban của HĐND với HĐND các tỉnh trong khu vực; HĐND tỉnh giao ban với HĐND các huyện, thành phố, các Ban HĐND tỉnh, tổ đại biểu HĐND tỉnh:</i>				
a	Chủ tọa	đồng/người/ngày	150.000	100.000	



Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		
			HĐND cấp tỉnh	HĐND cấp huyện	HĐND cấp xã
b	Đại biểu HĐND, đại biểu mời (trường hợp ĐB không ăn cơm)	đồng/người/ngày	100.000	80.000	
c	Chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu	đồng/người/ngày	200.000	180.000	
d	Cán bộ, công chức, viên chức, phóng viên Báo, Đài trực tiếp phục vụ	đồng/người/ngày	50.000	30.000	
đ	Chi cáo báo cáo tham luận tại hội nghị (báo cáo tham luận của cấp nào do ngân sách cấp đó chi trả)	đồng/báo cáo	300.000	200.000	100.000
<b>2</b>	<b>Hội nghị chuyên đề</b>				
a	Chủ tọa	đồng/người/ngày	150.000	100.000	80.000
b	Đại biểu HĐND, đại biểu mời	đồng/người/ngày	100.000	80.000	50.000
c	Cán bộ, công chức, viên chức, phóng viên Báo, Đài trực tiếp phục vụ	đồng/người/ngày	50.000	30.000	30.000
d	Các báo cáo tham luận của chuyên gia (nếu có) bằng văn bản	đồng/bài	500.000	400.000	200.000
đ	Báo cáo tham luận của các ban, ngành liên quan	đồng/báo cáo	300.000	200.000	100.000
<b>3</b>	<b>Cuộc họp Đảng đoàn HĐND tỉnh; họp Thường trực với các Ban HĐND mở rộng đến các ngành liên quan</b>				
a	Các thành viên dự họp	đồng/người/ngày	100.000	80.000	
b	Phục vụ	đồng/người/ngày	50.000	30.000	
<b>III</b>	<b>Chi cho các hoạt động của HĐND</b>				
<b>1</b>	<b>Hoạt động tiếp xúc cử tri của đại biểu và tổ đại biểu</b>				
a	Hỗ trợ cho mỗi địa điểm đến tiếp xúc cử tri (trang trí, ma kết, phục vụ, nước uống, bảo vệ và các khoản chi khác)	đồng/điểm	1.000.000	800.000	400.000
b	Chi thăm hỏi gia đình chính sách hoặc hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn tại nơi tiếp xúc cử tri (không quá 200.000đ/hộ)	đồng/điểm	600.000	400.000	
c	Chi bồi dưỡng cho đại biểu HĐND tỉnh tiếp xúc cử tri	đồng/người/ngày	150.000	100.000	80.000

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		
			HĐND cấp tỉnh	HĐND cấp huyện	HĐND cấp xã
d	Chi cho đại diện MTTQ hoặc đại diện BCH công đoàn chủ trì hội nghị tiếp xúc cử tri	đồng/người/ngày	100.000	80.000	50.000
đ	Chi cho cán bộ, nhân viên phục vụ (chuyên viên, lái xe)	đồng/người/ngày	80.000	50.000	30.000
2	<b>Hoạt động giám sát, khảo sát của Thường trực, các Ban HĐND, tổ đại biểu HĐND</b>				
a	Tổ chức cuộc họp của đoàn giám sát, khảo sát				
	- Chủ trì cuộc họp	đồng/người/ngày	150.000	100.000	80.000
	- Thành viên dự họp, thư ký đoàn giám sát, khảo sát	đồng/người/ngày	100.000	80.000	50.000
	- Người phục vụ	đồng/người/ngày	50.000	40.000	30.000
b	Thuê chuyên gia giám sát, khảo sát	đồng/người/ngày	500.000	300.000	
c	Hỗ trợ cho mỗi địa điểm đến giám sát, khảo sát tại xã (trang trí, ma kết, phục vụ, nước uống, bảo vệ và các khoản chi khác)	đồng/điểm	1.000.000	800.000	400.000
d	Chi thăm hỏi gia đình chính sách hoặc hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn tại điểm giám sát, khảo sát (không quá 200.000đ/hộ)	đồng/điểm	600.000	400.000	
đ	Chi hỗ trợ tiền điện thoại liên lạc với các đơn vị giám sát, khảo sát (đối với người chưa được hỗ trợ tiền điện thoại di động hàng tháng theo chức danh)	đồng/người/cuộc giám sát, khảo sát	100.000		
e	Chi xây dựng kế hoạch giám sát, khảo sát; báo cáo tổng hợp, thông báo kết quả giám sát, khảo sát và các văn bản liên quan	đồng/văn bản	500.000	300.000	200.000
g	Chi bồi dưỡng cho đoàn giám sát, khảo sát				
	- Thành viên đoàn giám sát, khảo sát và thư ký đoàn	đồng/người/ngày	100.000	80.000	60.000
	- Người phục vụ	đồng/người/ngày	80.000	50.000	30.000



Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		
			HĐND cấp tỉnh	HĐND cấp huyện	HĐND cấp xã
3	<i>Hoạt động tiếp công dân; xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân</i>				
a	Chi bồi dưỡng cho Đại biểu HĐND, Thường trực, các Ban HĐND, tổ đại biểu HĐND được phân công tiếp công dân	đồng/người/ngày	100.000	100.000	100.000
b	Cán bộ tham gia phối hợp	đồng/người/ngày	50.000	50.000	50.000
c	Hỗ trợ cho Văn phòng HĐND-UBND các huyện, thành phố để chi tiền chè, nước uống, các điều kiện khác phục vụ tổ đại biểu HĐND tỉnh tiếp công dân tại địa bàn ứng cử.	đồng/huyện/quý	500.000		
d	Hỗ trợ cho cán bộ được phân công giúp Thường trực HĐND, các Ban HĐND xử lý đơn thư.	đồng/đơn thư	10.000	10.000	10.000
IV	<b>Chi xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật (đối với các văn bản do HĐND trực tiếp soạn thảo)</b>				
I	<i>Đối với Nghị quyết của HĐND ban hành mới hoặc thay thế, mức chi tối đa cho cả quá trình xây dựng và hoàn thiện, cụ thể:</i>	đồng/văn bản	<b>không quá 9.000.000</b>	<b>không quá 7.000.000</b>	<b>không quá 5.500.000</b>
a	Chi xây dựng đề cương chi tiết dự thảo văn bản	đồng/đề cương	900.000	700.000	500.000
b	Chi soạn thảo dự thảo Nghị quyết, các quy định kèm theo (nếu có)	đồng/văn bản	4.000.000	3.000.000	1.500.000
c	Chi soạn thảo các loại báo cáo phục vụ công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản:				
	- Báo cáo tổng hợp các ý kiến đóng góp	đồng/báo cáo	200.000	160.000	100.000
	- Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến đóng góp, ý kiến thẩm tra	đồng/báo cáo	300.000	250.000	150.000
d	Chi soạn thảo văn bản góp ý; báo cáo thẩm tra:				
	- Văn bản góp ý đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND	đồng/ văn bản	200.000	160.000	100.000
	- Báo cáo thẩm tra	đồng/báo cáo	500.000	400.000	200.000

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		
			HĐND cấp tỉnh	HĐND cấp huyện	HĐND cấp xã
e	Chi cho cá nhân tham gia họp, hội nghị tư vấn xây dựng văn bản				
	- Chủ trì	đồng/người/buổi	150.000	120.000	80.000
	- Các thành viên tham dự và chuyên viên	đồng/người/buổi	100.000	80.000	50.000
	- Phục vụ	đồng/người/buổi	50.000	40.000	30.000
2	<b>Đối với Nghị quyết được sửa đổi, bổ sung mức chi tối đa cho cả quá trình xây dựng và hoàn thiện, cụ thể:</b>	đồng/văn bản	<b>không quá 7.200.000</b>	<b>không quá 5.600.000</b>	<b>không quá 4.400.000</b>
a	Chi xây dựng đề cương chi tiết dự thảo văn bản	đồng/đề cương	600.000	500.000	300.000
b	Chi soạn thảo dự thảo Nghị quyết, các quy định kèm theo (nếu có)	đồng/văn bản	3.500.000	2.500.000	1.000.000
c	Chi soạn thảo các loại báo cáo phục vụ công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản:				
	- Báo cáo tổng hợp các ý kiến đóng góp	đồng/báo cáo	160.000	100.000	80.000
	- Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý, ý kiến thẩm tra	đồng/báo cáo	240.000	150.000	120.000
d	Chi soạn thảo văn bản góp ý; báo cáo thẩm tra:				
	- Văn bản góp ý đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND	đồng/văn bản	160.000	100.000	80.000
	- Báo cáo thẩm tra	đồng/báo cáo	400.000	300.000	200.000
đ	Chi chỉnh lý hoàn thiện đề cương nghiên cứu, các loại báo cáo, bản thuyết minh, tờ trình, dự thảo văn bản	đồng/lần chỉnh lý	150.000	100.000	80.000
e	Chi cho cá nhân tham gia họp, hội nghị tư vấn của HĐND				
	- Chủ trì	đồng/người/buổi	120.000	80.000	50.000
	- Các thành viên tham dự và chuyên viên	đồng/người/buổi	80.000	50.000	30.000
	- Phục vụ	đồng/người/buổi	30.000	20.000	10.000



Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		
			HĐND cấp tỉnh	HĐND cấp huyện	HĐND cấp xã
V	<b>Chi xây dựng, hoàn thiện báo cáo thẩm tra các báo cáo, tờ trình do UBND tỉnh, các ngành trình kỳ họp; báo cáo tổng kết nhiệm kỳ HĐND; báo cáo hoạt động của HĐND các cấp trong năm.</b>				
1	Chi xây dựng báo cáo thẩm tra về tình hình kinh tế xã hội, thẩm tra các báo cáo về ngân sách, báo cáo chuyên ngành	đồng/báo cáo	500.000	300.000	
2	Chi báo cáo thẩm tra các tờ trình của UBND, các ngành	đồng/tờ trình	200.000	100.000	
3	Chi cho Thường trực HĐND xã cho ý kiến vào các báo cáo trình kỳ họp	đồng/văn bản			100.000
4	Chi báo cáo tổng kết nhiệm kỳ HĐND, các Ban HĐND	đồng/báo cáo	4.000.000	3.000.000	2.000.000
5	Chi báo cáo hoạt động của HĐND các cấp trong năm	đồng/báo cáo	2.000.000	1.000.000	500.000
VI	<b>Chi xây dựng đề án, quy chế</b>			(nếu có)	
1	Xây dựng đề án: các đề án có tính khả thi, phạm vi áp dụng rộng, thời gian thực hiện trong vòng 5 năm trở lên				
a	Đề án trình Thường trực HĐND	đồng/đề án	15.000.000	10.500.000	
b	Đề án trình kỳ họp Hội đồng nhân dân	đồng/ đề án	20.000.000	14.000.000	
2	Xây dựng quy chế trình Thường trực HĐND	đồng/quy chế	10.000.000	7.000.000	
3	Mức chi cụ thể cho từng nội dung của đề án, quy chế				
a	Chi xây dựng đề cương sơ bộ, đề cương chi tiết và hoàn chỉnh đề án : 40% tổng kinh phí				
b	Chi họp tư vấn, hội thảo : 10% tổng kinh phí				
	- Chủ trì	đồng/người/buổi	150.000	100.000	
	- Thành viên dự họp, chuyên viên	đồng/người/buổi	100.000	80.000	
	- Người phục vụ	đồng/người/buổi	80.000	50.000	



Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		
			HĐND cấp tỉnh	HĐND cấp huyện	HĐND cấp xã
c	Chi thẩm định và thẩm quyền phê duyệt đề án, quy chế : 40% tổng kinh phí				
d	Chi cho kiểm soát nội dung văn bản : 5% tổng kinh phí				
đ	Chi cho bộ phận văn thư, in ấn tài liệu và kế toán : 5% tổng kinh phí				
<b>VII</b>	<b>Chi tham vấn nhân dân</b>				
1	Chi xây dựng kế hoạch tham vấn: tùy theo quy mô, tính chất, khối lượng các chỉ tiêu công việc, công cụ thực hiện tham vấn nhân dân (từ tổng quát đến chi tiết)	đồng/kế hoạch	500.000		
2	Chi lập mẫu phiếu lấy ý kiến (điều tra xã hội học); bảng câu hỏi tham vấn	đồng/mẫu phiếu, bảng hỏi	500.000		
3	Chi hội nghị lấy ý kiến cử tri theo chuyên đề, họp ban chỉ đạo, họp lấy ý kiến các chuyên gia, các ngành có liên quan đến nội dung tham vấn nhân dân; họp tổng kết tham vấn				
a	Chủ trì hội nghị	đồng/người/ngày	200.000		
b	Đại biểu tham dự	đồng/người/ngày	100.000		
c	Chi hỗ trợ cho mỗi điểm tổ chức tham vấn (huyện, xã...) để trang trải các chi phí cần thiết như trang trí, thuê địa điểm, bảo vệ, nước uống và các khoản chi phí khác	đồng/điểm	500.000		
d	Chi biên soạn tài liệu, viết báo cáo tổng hợp	đồng/báo cáo	300.000		
đ	Chi báo cáo tham luận	đồng/báo cáo	200.000		
e	Chi phục vụ	đồng/người/ngày	50.000		
g	Chi tiền nước uống và giải khát giữa giờ	đồng/người/ngày	30.000		

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		
			HĐND cấp tỉnh	HĐND cấp huyện	HĐND cấp xã
h	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin, tự điền phiếu lấy ý kiến (điều tra xã hội học)	đồng/phiếu	10.000		
i	Chi xử lý tổng hợp phiếu lấy ý kiến (điều tra xã hội học)	đồng/phiếu	10.000		
k	Chi bồi dưỡng cho người trợ giúp (trong trường hợp người dân là đồng bào dân tộc thiểu số không biết tiếng phổ thông và không có khả năng tự điền ý kiến của mình vào phiếu)	đồng/phiếu	5.000		
4	Chi hoạt động khảo sát thực tế				
a	Chi cho thành viên đoàn khảo sát	đồng/người/ngày	100.000		
b	Chi cho đại biểu được mời dự họp để làm việc với đoàn khảo sát	đồng/người/ngày	80.000		
c	Chi hỗ trợ cho mỗi điểm khảo sát để trang trải các chi phí cần thiết như trang trí, thuê địa điểm, bảo vệ, nước uống và các khoản chi khác	đồng/điểm	500.000		
d	Chi báo cáo tổng hợp khảo sát	đồng/báo cáo	300.000		
đ	Chi họp đoàn khảo sát				
	- Chủ trì	đồng/người/buổi	150.000		
	- Thành viên dự họp, chuyên viên	đồng/người/buổi	100.000		
	- Người phục vụ (lái xe, phục vụ nước uống)	đồng/người/buổi	50.000		
5	Chi hội nghị các bên có liên quan				
a	Chủ trì	đồng/người/buổi	150.000		
b	Đại biểu tham dự, chuyên viên	đồng/người/buổi	100.000		
c	Báo cáo tổng hợp ý kiến	đồng/báo cáo	300.000		
d	Báo cáo tham luận	đồng/báo cáo	200.000		



Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		
			HĐND cấp tỉnh	HĐND cấp huyện	HĐND cấp xã
đ	Người phục vụ ( lái xe, phục vụ nước uống)	đồng/người/ngày	50.000		
e	Chi tiền nước uống và giải khát giữa giờ .	đồng/người/ngày	30.000		
6	Chi viết báo cáo tổng hợp kết quả tham vấn ý kiến nhân dân	đồng/báo cáo	1.000.000		
<b>VIII</b>	<b>Chi hỗ trợ cho đại biểu và cán bộ công chức, viên chức Văn phòng</b>				
1	Hỗ trợ may trang phục (lễ phục) cho đại biểu HĐND: Một nhiệm kỳ mỗi đại biểu HĐND được hỗ trợ kinh phí may <b>02 bộ</b> trang phục.	đồng/1 bộ	2.500.000	2.200.000	1.800.000
2	Chi cho cán bộ công chức, viên chức, người lao động Văn phòng Đoàn ĐBQH-HĐND tỉnh, Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện, công chức Văn phòng cấp xã phục vụ trực tiếp cho hoạt động HĐND: Một nhiệm kỳ mỗi cán bộ, công chức, người lao động được hỗ trợ kinh phí may <b>01 bộ</b> trang phục.	đồng/bộ	2.500.000	2.200.000	1.800.000
3	Chi phụ cấp kiêm nhiệm: (nếu đại biểu kiêm nhiệm nhiều chức danh thì được hưởng một mức phụ cấp kiêm nhiệm cao nhất)				
a	Trưởng, Phó Ban kiêm nhiệm	lương tối thiểu/tháng	0,3	0,2	
b	Tổ trưởng tổ đại biểu (tỉnh, huyện, xã), thành viên kiêm nhiệm các Ban (tỉnh, huyện)	lương tối thiểu/tháng	0,2	0,1	0,05
c	Tổ phó tổ đại biểu	lương tối thiểu/tháng	0,1	0,05	
<b>IX</b>	<b>Chi cho công tác xã hội</b>				
1	Chi cho công tác xã hội của Thường trực HĐND				
a	Thăm hỏi đại biểu HĐND, nguyên đại biểu HĐND khi ốm đau	đồng/lần	500.000	400.000	300.000

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		
			HĐND cấp tỉnh	HĐND cấp huyện	HĐND cấp xã
b	Trường hợp bị bệnh hiểm nghèo được xét hỗ trợ (không quá 2 lần/người/năm)	đồng/lần	3.000.000	1.500.000	1.000.000
c	Đại biểu HĐND có cha mẹ đẻ, cha mẹ chồng (vợ), vợ (chồng) hoặc con chết được trợ cấp	đồng/trường hợp	1.000.000	500.000	400.000
d	Chi thăm viếng các vị đại biểu HĐND, nguyên đại biểu HĐND, Thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan; cha mẹ đại biểu, nguyên đại biểu, thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan	đồng/lần	500.000	400.000	300.000
đ	Trường hợp gia đình đại biểu HĐND gặp khó khăn đột xuất như thiên tai, tai nạn, hoả hoạn,... Tùy theo hoàn cảnh và mức độ khó khăn, tập thể Thường trực HĐND quyết định.	đồng/lần/gia đình	3.000.000 đến 5.000.000	2.000.000 đến 3.000.000	1.000.000 đến 2.000.000
2	Chi cho công tác xã hội của các Ban HĐND				
	Thăm hỏi Đại biểu HĐND, nguyên đại biểu HĐND khi ốm đau; Chi phúng phiến đại biểu HĐND, nguyên đại biểu HĐND; cha mẹ của đại biểu HĐND, nguyên đại biểu HĐND, thủ trưởng các sở ban ngành liên quan.	đồng/lần	300.000	200.000	

*Đạt*